

Bản án số: 24/2026/HS-ST

Ngày: 11-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Tấn Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trịnh Thị Hương**

Bà **Trương Thị Ngọc Phương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Thu Uyên** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Quốc Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng cơ sở 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Hữu Đ, giới tính nam; sinh ngày: 09/8/2001 tại Thanh Hoá; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi thường trú: **thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa**. Bị cáo con ông **Lê Hữu Q** (sinh năm 1969) và bà **Nguyễn Thị H** (sinh năm 1971); có vợ là **Nguyễn Thị Y** (sinh năm 2003) và có 01 con (sinh năm 2025). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/12/2024, chuyển tạm giam từ ngày 26/12/2024, đến ngày 23/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

Bị cáo hiện đang bị cáo tụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Kiều Thị T**, sinh năm: 1974; địa chỉ: **thôn T, xã D, thành phố Đà Nẵng**. Vắng mặt.

2. Bà **Trịnh Thị Ái C**, sinh năm: 1992; địa chỉ: **khối phố C, xã N, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà **Lê Thị Thu V**, sinh năm: 1974; địa chỉ: **Số D C, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà **Lê Thị G**, sinh năm: 1995; địa chỉ: **thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2022, **Lê Hữu Đ** đến địa bàn tỉnh Quảng Nam (cũ) với mục đích cho vay tiền để hưởng lợi nhuận. **Đ** thuê người (*không rõ nhân thân, lai lịch*) làm một trang fanpage trên mạng xã hội Facebook với tên “*Cho vay tiền nhanh/trong ngày H - Quảng Nam*” để người nào có nhu cầu vay tiền thì liên hệ vay thông qua số điện thoại 0375272019 do **Đ** sở hữu. Kể từ khi có trang “*Cho vay tiền nhanh/trong ngày H - Quảng Nam*” thì có một số người liên hệ **Lê Hữu Đ** để vay tiền. Cụ thể:

1. Bà Kiều Thị Thu

Khoảng tháng 4/2023, **Kiều Thị T** liên hệ **Đ** để vay tiền. Cả hai thoả thuận thống nhất cho vay tiền trong thời gian 23 ngày, tiền lãi 15%/23 ngày, tương ứng 0,65%/1ngày, khi vay phải trả tiền phí là 0,5%/tổng tiền vay, trả tiền gốc và lãi hằng ngày trong 23 ngày, **Đ** đã cho **T** vay các lần như sau:

- Ngày 24/4/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 100.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **Đ** đến tài khoản do **T** cung cấp, gói vay này **Đ** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả cho **Đ** là 15.000.000 đồng, do **T** vay nhiều tiền nên **Đ** không thu tiền phí, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 13.740.773 đồng.

- Ngày 25/4/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 60.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 9375272019 của chị ruột **Đ** tên **Lê Thị G** đến tài khoản do **T** cung cấp, gói vay này **Đ** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả là 9.000.000 đồng, do **T** vay tiền nhiều nên **Đ** cũng không thu tiền phí, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 8.243.836 đồng.

- Ngày 17/7/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 20.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **Đ** đến tài khoản do **T** cung cấp, gói vay này **Đ** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả là 3.000.000 đồng, **Đ** thu phí 1.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 3.747.948 đồng.

- Ngày 19/7/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 60.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **Đ** đến tài khoản do **T** cung cấp số tiền 51.000.000 đồng, còn lại số tiền 9.000.000 đồng do **T** nợ **Đ** nên **Đ** chuyển 51.000.000 đồng, gói vay này **Đ** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả là 9.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 8.243.836 đồng.

- Ngày 09/8/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 60.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **Đ** đến tài khoản do **T** cung cấp số tiền 51.000.000 đồng, còn lại số tiền 9.000.000 đồng do **T** nợ **Đ** nên **Đ** chuyển 51.000.000 đồng, gói vay này **Đ** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả là 9.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 8.243.836 đồng.

- Ngày 15/8/2023, **Đ** cho **T** vay số tiền 80.000.000 đồng, **Đ** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **Đ** đến tài khoản do **T** cung cấp, gói vay này **Đ** cho **T**

vay 23 ngày, số tiền lãi **T** trả là 12.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 10.991.748 đồng.

- Ngày 21/8/2023, **D** cho **T** vay số tiền 30.000.000 đồng, **D** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **D** đến tài khoản do **T** cung cấp số tiền 24.500.000 đồng, còn lại số tiền 5.500.000 đồng do **T** nợ **D** nên **D** chuyển 24.500.000 đồng, gói vay này **D** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi trả trong 23 ngày là 4.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay là 4.121.918 đồng. Đến nay, **T** chưa trả tiền vay và lãi vay của gói vay này cho **D**.

- Ngày 23/8/2023, **D** cho **T** vay số tiền 30.000.000 đồng, **D** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **D** đến tài khoản do **T** cung cấp số tiền 24.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng do **T** nợ **D** nên **D** chuyển 24.000.000 đồng, gói vay này **D** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi trả trong 23 ngày là 4.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay là 4.121.918 đồng. Đến nay, **T** chưa trả tiền vay và lãi vay của gói vay này cho **D**.

- Vào giữa tháng 8/2023, **D** cho **T** vay 02 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền trực tiếp, mỗi lần cho vay số tiền 60.000.000 đồng, 02 gói vay này **D** cho **T** vay 23 ngày, số tiền lãi trả trong 23 ngày đối với 02 gói vay là 18.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.487.671 đồng. Đến nay, **T** chưa trả tiền vay và lãi vay của 02 gói vay này cho **D**.

Tổng cộng, **D** cho **T** vay số tiền là 560.000.000 đồng, tiền lãi là 84.000.000 đồng, tiền thu lợi bất chính từ việc **D** cho **T** vay là 78.943.484 đồng. Các gói vay từ ngày 24/4/2023 đến ngày 15/8/2023, **T** đã hoàn thành việc trả tiền vay và lãi vay cho **D**. Còn lại 04 gói vay vào giữa tháng 8/2023 và ngày 21/8/2023, ngày 23/8/2023, **T** còn nợ tiền gốc vay và lãi vay với tổng tiền vay là 180.000.000 đồng.

2. Bà Trịnh Thị Ái C

Từ khoảng tháng 02/2023, **Trịnh Thị Ái C** biết **D** cho vay tiền nên **C** liên hệ cho **D** để hỏi vay tiền. Hai bên thống nhất, thỏa thuận cho vay tiền trong 23 ngày, tiền lãi là 0,65%/1ngày, khi vay phải trả tiền phí là 0,5%/tổng tiền vay, trả tiền gốc và lãi hằng ngày trong 23 ngày, **D** đã cho **C** vay các lần như sau:

- Ngày 20/02/2023, **D** cho **C** vay số tiền 40.000.000 đồng, **D** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **D** đến tài khoản của **C** với số tiền 34.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng. **D** trừ 02 ngày tiền trả lãi, gốc là 4.000.000 đồng và tiền phí hồ sơ cho vay là 2.000.000 đồng. Gói vay này **C** vay trong 23 ngày và trả tiền lãi cho **D** là 6.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 7.495.891 đồng.

- Ngày 02/3/2023, **D** cho **C** vay số tiền 5.000.000 đồng, **D** chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của **D** đến tài khoản của **C** với số tiền 5.000.000 đồng. Gói vay này **C** vay 23 ngày và trả tiền lãi cho **D** là 750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 686.987 đồng.

- Ngày 13/3/2023, Đ cho C vay số tiền 4.500.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 4.500.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 675.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 618.288 đồng.

- Ngày 23/3/2023, Đ cho C vay số tiền 4.500.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 4.500.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 675.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 618.288 đồng.

- Ngày 03/4/2023, Đ cho C vay số tiền 13.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 13.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 1.950.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 1.786.165 đồng.

- Ngày 13/4/2023, Đ cho C vay số tiền 5.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 5.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 686.987 đồng.

- Ngày 19/4/2023, Đ cho C vay số tiền 5.200.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 5.200.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 780.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 714.466 đồng.

- Ngày 05/6/2023, Đ cho C vay số tiền 2.500.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 2.500.000 đồng. Gói vay này Đ không lấy tiền lãi (vì C trả lại trong thời gian ngắn).

- Ngày 16/6/2023, Đ cho C vay số tiền 5.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 5.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 686.987 đồng.

- Ngày 27/6/2023, Đ cho C vay số tiền 1.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 1.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 150.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 137.398 đồng.

- Ngày 28/7/2023, Đ cho C vay số tiền 3.500.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 3.500.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 525.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 480.891 đồng.

- Ngày 29/7/2023, Đ cho C vay số tiền 3.200.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 3.200.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 480.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 439.672 đồng.

- Ngày 19/8/2023, Đ cho C vay số tiền 7.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 7.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 1.050.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 961.786 đồng.

- Ngày 29/8/2023, Đ cho C vay số tiền 1.500.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 1.500.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 231.096 đồng.

- Ngày 21/12/2023, Đ cho C vay số tiền 20.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 030073388658 của Đ đến tài khoản của C với số tiền 16.000.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 3.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 2.747.946 đồng.

- Ngày 18/01/2024, Đ cho C vay số tiền 40.000.000 đồng, Đ chuyển tiền từ tài khoản 9375272019 của Lê Thị G đến tài khoản của C với số tiền 29.500.000 đồng. Gói vay này C vay 23 ngày và trả tiền lãi cho Đ là 6.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính gói vay này là 5.495.892 đồng.

Tổng số tiền Đ cho C vay là 160.900.000 đồng và Đ đã hưởng tiền lãi C trả là 23.785.000 đồng, tiền Đ thu lợi bất chính từ việc cho C vay là 23.788.740 đồng. C đã hoàn thành việc trả tiền vay và lãi vay đối với các gói vay cho Đ.

3. Bà Lê Thị Thu V

Với mức lãi vay như trên, Lê Hữu Đ đã chuyển tiền cho Lê Thị Thu V vay 08 lần từ ngày 04/5/2023 đến 11/12/2023, cụ thể:

- Ngày 04/0/2023, Đ cho V vay 20.000.000 đồng trong thời gian 16 ngày, Đ thu lãi và gốc trước 3 ngày là 3.000.000 đồng và chuyển cho V 17.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày V trả Đ 1.200.000 đồng trong thời gian 16 ngày, tổng lãi gói vay này trong 16 ngày là 2.200.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 2.024.657 đồng.

- Ngày 12/8/2023, Đ cho V vay 20.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày, Đ trừ trước lãi và gốc 3 ngày là 3.000.000 đồng (nhưng Đ chỉ lấy là 2.600.000 đồng do V trả đủ và đúng hạn nên giảm bớt), Đ chuyển 17.400.000 đồng. Mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.000.000 đồng trong 20 ngày. Tiền lãi gói vay này Đ hưởng 2.600.000 đồng/20 ngày; tiền thu lợi bất chính là 2.380.840 đồng.

- Ngày 05/9/2023, Đ cho V vay 15.000.000 đồng trong thời gian 15 ngày, Đ cắt lãi trước là 1.600.000 đồng và chuyển cho V 13.400.000 đồng; mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.000.000 đồng trong thời gian 15 ngày. Tiền lãi Đ hưởng gói này là 1.600.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 1.476.712 đồng.

- Ngày 30/09/2023, Đ cho V vay 10.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày, Đ cắt lãi trước là 1.600.000 đồng và chuyển cho V 8.400.000 đồng; mỗi ngày V chuyển trả Đ 500.000 đồng trong thời gian 20 ngày. Tiền lãi Đ hưởng gói này là 1.600.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 1.490.410 đồng.

- Ngày 23/10/2023, Đ cho V vay 20.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày, Đ cắt lãi trước là 2.600.000 đồng (trả thêm nợ cũ 1.000.000 đồng gói vay ngày 30/9/2023 là 3.600.000 đồng) và chuyển cho V 16.400.000 đồng; mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày. Tiền lãi Đ hưởng gói này là 2.600.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 2.380.821 đồng.

- Ngày 06/11/2023, Đ cho V vay 20.000.000 đồng trong thời gian 15 ngày, Đ cắt lãi trước là 2.200.000 đồng và chuyển cho V 17.800.000 đồng; mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.500.000 đồng trong thời gian 15 ngày. Tiền lãi Đ hưởng gói này là 2.500.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 2.335.616 đồng.

- Ngày 23/11/2023, Đ cho V vay 20.000.000 đồng trong thời gian 16 ngày và chuyển cho V 15.300.000 đồng từ tài khoản S của Đ (trả nợ cũ gói vay trước đó 4.700.000 đồng); mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.500.000 đồng và đã chuyển 16 lần với tổng số tiền 24.000.000 đồng đến ngày 11/12/2023 vào tài khoản V1 Lê Thị G. Tiền lãi Đ hưởng gói này là 4.000.000 đồng; tiền thu lợi bất chính là 3.824.657 đồng.

- Ngày 11/12/2023, Đ cho V vay 27.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày (đến ngày 31/12/2023) và chuyển cho V 15.300.000 đồng từ tài khoản S của Đ (11.700.000 đồng giao bằng tiền mặt), gói vay này Đ không lấy lãi và gốc trước; mỗi ngày V chuyển trả Đ 1.500.000 đồng và đã chuyển 19 lần với tổng số tiền 28.500.000 đồng đến ngày 31/12/2023 vào tài khoản V1; ngày 01/01/2024, V chuyển thêm 3.000.000 đồng vào tài khoản V1 Lê Thị G. Tổng tiền V chuyển trả gói vay này cho Đ là 31.500.000 đồng, tổng lãi Đ hưởng gói vay này là 4.500.000 đồng trong thời gian 20 ngày; tiền thu lợi bất chính là 4.204.109 đồng.

Tổng tiền V vay của Đ là 152.000.000 đồng, tổng tiền Đ hưởng lãi của V là 21.600.000 đồng và thu lợi bất chính từ việc cho V vay là 20.117.822 đồng. V đã hoàn thành việc trả tiền vay và lãi vay đối với các gói vay cho Đ.

*** Xác định lãi suất vay và tiền thu lợi bất chính:**

- Đối với lãi suất cho vay: Bị cáo Lê Hữu Đ có hành vi nhiều lần cho Trịnh Thị Ái C, Kiều Thị T và Lê Thị Thu V vay tổng số tiền 872.900.000 đồng với hình thức trả góp cả lãi và gốc theo ngày, mức lãi suất 0,65%/1 ngày, tương ứng 237%/năm (gấp 11,9 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 20%/năm).

- Đối với tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay:

+ Trong 06 lần Đ cho Kiều Thị T vay (trước lần cho vay ngày 21/8/2023) đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính trong 06 lần vay này là trên 30.000.000 đồng (cụ thể là 53.212.112 đồng); các lần vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Riêng 04 gói vay gồm 02 gói vay giữa tháng 8/2023 và các ngày 21/8/2023, 23/8/2023, Kiều Thị T chưa trả tiền vay và lãi vay cho Đ. Với số tiền vay 180.000.000 đồng, hưởng lãi

27.000.000 đồng, tổng số tiền thu lợi bất chính là 24.731.507 đồng.

+ Trong 14 lần Đ cho **Trịnh Thị Ái C** vay (trước lần cho vay ngày 21/12/2023) đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính trong 14 lần vay này là dưới 30.000.000 đồng (cụ thể là 13.544.902 đồng); các lần vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Riêng 02 lần vay ngày 21/12/2023 với số tiền vay 20.000.000 đồng trong thời gian 23 ngày (đến ngày 13/01/2024) với số tiền thu lợi bất chính là 2.747.946 đồng và ngày 18/01/2024 với số tiền vay 40.000.000 đồng trong thời gian 23 ngày (đến ngày 10/02/2024) với số tiền thu lợi bất chính 5.495.892 đồng (hai lần vay này còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính).

+ Trong 07 lần Đ cho **Lê Thị Thu V** vay (trước lần cho vay ngày 11/12/2023) đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng; tổng số tiền thu lợi bất chính trong 07 lần vay này là dưới 30.000.000 đồng (cụ thể là 14.572.344 đồng); các lần vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Riêng lần vay ngày 11/12/2023 với số tiền vay 27.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày (đến ngày 31/12/2023) với số tiền thu lợi bất chính là 4.204.109 đồng (lần vay này còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của **Lê Hữu Đ** trong các lần cho **Kiều Thị T** vay vào khoảng giữa tháng 8/2023 và ngày 21/8/2023, 23/8/2023 với tổng số tiền vay là 180.000.000 đồng, cho **Trịnh Thị Ái C** vay ngày 21/12/2023 với số tiền 20.000.000 đồng và ngày 18/01/2024 với số tiền vay là 40.000.000 đồng, **Lê Thị Thu V** vay ngày 11/12/2023 với số tiền 27.000.000 đồng được xác định là 37.179.454 đồng. Tuy nhiên, số tiền thu lợi bất chính này Đ chỉ mới nhận của **Trịnh Thị Ái C** 8.243.838 đồng, của **Lê Thị Thu V** số tiền 4.204.109 đồng; số tiền thu lợi bất chính còn lại từ việc cho **Kiều Thị T** vay trong 04 lần trên thì Đ chưa nhận.

Tất cả các lần **Lê Hữu Đ** cho **Kiều Thị T**, **Trịnh Thị Ái C** và **Lê Thị Thu V** vay được giải ngân và hoàn thành xong việc trả tiền vay và lãi vay trước ngày 24/12/2023 đều có số tiền thu lợi bất chính trong từng lần vay là dưới 30.000.000 đồng, các lần vay này đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự:

“...Trường hợp người thực hiện nhiều hành vi cho vay lãi nặng mà các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000đ nhưng tổng số tiền thu lợi bất chính từ 30.000.000đ trở lên và các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng, không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm

tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự...”.

Trong vụ án này, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q (cũ) khởi tố bị can đối với Lê Hữu Đ vào ngày 24/12/2024. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm kể từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Do đó, các lần Đ cho vay thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng trước ngày 24/12/2023 thì đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung hình phạt tương ứng tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng. Do đó, hành vi cho vay lãi nặng của Đ chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với 07 lần cho vay với tổng số tiền thu lợi bất chính 37.179.454 đồng gồm:

- Gói vay 20.000.000 đồng ngày 21/12/2023 cho Trịnh Thị Ái C vay trong thời gian 23 ngày (đến ngày 13/01/2024) với số tiền thu lợi bất chính là 2.747.946 đồng.

- Gói vay 40.000.000 đồng ngày 18/01/2024 cho Trịnh Thị Ái C vay trong thời gian 23 ngày (đến ngày 10/02/2024) với số tiền thu lợi bất chính 5.495.892 đồng.

- Gói vay 27.000.000 đồng ngày 11/12/2023 cho Lê Thị Thu V vay trong thời gian 20 ngày (đến ngày 31/12/2023) với số tiền thu lợi bất chính là 4.204.109 đồng.

- Gói vay 30.000.000 đồng ngày 21/8/2023 cho Kiều Thị T vay nhưng chưa trả tiền vay và lãi vay, số tiền thu lợi bất chính Đ hưởng là 4.121.918 đồng.

- Gói vay 30.000.000 đồng ngày 23/8/2023 cho Kiều Thị T vay nhưng chưa trả tiền vay và lãi vay, số tiền thu lợi bất chính Đ hưởng là 4.121.918 đồng.

- 02 gói vay với tổng số tiền 120.000.000 đồng vào giữa tháng 8/2023 cho Kiều Thị T vay nhưng chưa trả tiền vay và lãi vay, số tiền thu lợi bất chính là 16.487.671 đồng.

*** Vật chứng, tài sản bị tạm giữ:**

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số Imei: 353776399274099, số máy: MGCH3LL/A, bị nứt mặt sau, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0375272019.

- + 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355374084771112, số máy: MNFP2LL/A, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng.

Tất cả những vật chứng trên đang tạm giữ tại Kho vật chứng Công an thành phố Đ.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKSQN-P3 ngày 10/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Hữu Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên nội dung truy tố tại Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo **Lê Hữu Đ** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo **Lê Hữu Đ** từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số Imei: 353776399274099, số máy: MGCH3LL/A, bị nứt mặt sau, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0375272019;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355374084771112, số máy: MNFP2LL/A, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng.

* Về biện pháp tư pháp: Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ** đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo nội dung đã đề cập tại Cáo trạng.

* Về vấn đề khác có liên quan trong vụ án: đề nghị giải quyết theo nội dung cáo trạng đã đề cập.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố Đ**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Hữu Đ** khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được chứng minh có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ cuối năm 2022, **Lê Hữu Đ** đã nhiều lần cho các cá nhân gồm: **Kiều Thị T**, **Trịnh Thị Ái C** và **Lê Thị Thu V** vay tiền theo hình thức trả góp cả lãi và gốc theo ngày, mức lãi suất mà **Đ** cho vay là 0,65%/1 ngày, tương ứng 237%/năm, gấp 11,9 lần mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

- Ngày 21/12/2023 cho **Trịnh Thị Ái C** vay 20.000.000 đồng, thời gian vay 23 ngày (đến ngày 13/01/2024), bị cáo **Đ** đã thu lợi bất chính số tiền 2.747.946 đồng. Bà **Trịnh Thị Ái C** đã trả tiền gốc cho **Đ** 20.000.000 đồng.

- Ngày 18/01/2024 cho **Trịnh Thị Ái C** vay 40.000.000 đồng, thời gian vay 23 ngày (đến ngày 10/02/2024), bị cáo **Đ** đã thu lợi bất chính số tiền 5.495.892 đồng. Bà **Trịnh Thị Ái C** đã trả tiền gốc cho **Đ** 40.000.000 đồng.

- Ngày 11/12/2023 cho **Lê Thị Thu V** vay 27.000.000 đồng, thời gian vay 20 ngày (đến ngày 31/12/2023), bị cáo **Đ** đã thu lợi bất chính số tiền 4.204.109 đồng. Bà **Lê Thị Thu V** đã trả tiền gốc cho **Đ** 27.000.000 đồng.

- Ngày 21/8/2023 cho **Kiều Thị T** vay 30.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính bị cáo **Đ** sẽ hưởng là 4.121.918 đồng. Bà **Kiều Thị T** chưa trả tiền vay và lãi vay.

- Ngày 23/8/2023 cho **Kiều Thị T** vay 30.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính bị cáo **Đ** sẽ hưởng là 4.121.918 đồng. Bà **Kiều Thị T** chưa trả tiền vay và lãi vay.

- Khoảng giữa tháng 8/2023, **Đ** cho **Kiều Thị T** vay 02 lần tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính bị cáo **Đ** sẽ hưởng là 16.487.671 đồng. Bà **Kiều Thị T** chưa trả tiền vay và lãi vay.

Tổng cộng số tiền bị cáo **Đ** đã cho vay là 267.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 37.179.454 đồng.

Hành vi trên của bị cáo **Lê Hữu Đ** đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, bản Cáo trạng số 95/CT-VKSQN-P3 ngày 10/2/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo **Lê Hữu Đ** và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì thấy: Bản thân bị cáo **Đ** là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, ngoài ra còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả với số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về loại hình phạt áp dụng:

Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự để xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến ngày 23/01/2025 (là 38 ngày) nên cần quy đổi thành 114 ngày cải tạo không giam giữ (tương ứng 3 tháng 24 ngày) để trừ đi thời hạn bị xử phạt, thời hạn còn lại buộc bị cáo **D** phải chấp hành.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo hiện nay lao động tự do, có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhằm mục đích thu lợi bất chính nên việc áp dụng thêm hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là cần thiết. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo **D**.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc bị cáo đã cho vay và người vay đã trả cho bị cáo là 87.000.000 đồng, đây là tang vật phạm tội nên truy thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền gốc 180.000.000 đồng mà người vay là bà **Kiều Thị T** chưa trả cho bị cáo **D**, cần buộc bà **Kiều Thị T** nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo **D** đã thu của người vay là 1.066.666 đồng cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo **D** thực tế đã thu của người vay, xét thấy người vay không sử dụng số tiền vay vào mục đích bất hợp pháp nên buộc bị cáo **D** phải trả lại cho những người vay, bao gồm: Trả lại cho bà **Trịnh Thị Ái C** số tiền 8.243.838 đồng; trả lại cho bà **Lê Thị Thu V** số tiền 4.204.109 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo **D** đã nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[7] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo **Lê Hữu D**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số Imei: 353776399274099, số máy: MGCH3LL/A, bị nứt mặt sau, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0375272019 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355374084771112, số máy: MNFP2LL/A, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng, xét

đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo Đ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu 02 điện thoại này để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về vấn đề khác có liên quan: Đối với Lê Thị G là chị ruột của Lê Hữu Đ, sau khi mở tài khoản ngân hàng V1 số 9375272019, Lê Thị G giao cho Lê Hữu Đ sử dụng vào việc cá nhân, G không biết Đ sử dụng tài khoản của mình vào việc chuyển tiền cho vay và nhận tiền từ những người vay nêu trên. Do đó, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng không xử lý Lê Thị G về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Hữu Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Hữu Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Hữu Đ 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2024 đến ngày 23/01/2025 quy đổi thành 03 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ), hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại buộc bị cáo Đ phải chấp hành là 14 tháng 06 ngày (mười bốn tháng sáu ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an thành phố Đ nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Hữu Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Phạt tiền bổ sung bị cáo Lê Hữu Đ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc mà bị cáo Lê Hữu Đ đã cho vay và người vay đã trả lại là 87.000.000 (tám mươi bảy triệu) đồng.

- Buộc bà Kiều Thị T nộp lại số tiền gốc 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng đã vay nhưng chưa trả để sung ngân sách Nhà nước.

- Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền lãi mà bị cáo Đ đã thu của người vay là 1.066.666 (một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Buộc bị cáo Đ phải trả lại tiền thu lợi bất chính cho những người vay cụ thể như sau: Trả lại cho bà Trịnh Thị Ái C số tiền 8.243.838 đồng (tám triệu hai trăm

bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi tám) đồng; trả lại cho bà **Lê Thị Thu V** số tiền 4.204.109 (bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn một trăm linh chín) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo **Lê Hữu Đ** không thi hành số tiền nêu trên thì bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng của bị cáo **Đ** đã nộp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

*(Số tiền này hiện do **Phòng C1 Công an thành phố Đ** đang quản lý theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 21 tháng 4 năm 2025).*

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax, màu vàng, số Imei: 353776399274099, số máy: MGCH3LL/A, bị nứt mặt sau, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0375272019 thu giữ của **Lê Hữu Đ**;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 355374084771112, số máy: MNFP2LL/A, bị nứt màn hình, đã qua sử dụng thu giữ của **Lê Hữu Đ**.

(Các vật chứng trên hiện do Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 05 năm 2025).

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo **Lê Hữu Đ** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/3/2026). Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng PV06 Công an TP Đà Nẵng;
- Phòng HSNV Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, Tòa HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Tấn Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Hương Trương Thị Ngọc P

Đinh Tấn L